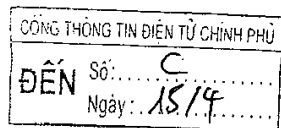


BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2015



THÔNG TƯ

Quy định về vùng hoạt động của tàu biển chở hàng trong Vịnh Bắc Bộ

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về vùng hoạt động của tàu biển chở hàng trong Vịnh Bắc Bộ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về vùng hoạt động và trang thiết bị của tàu biển Việt Nam vỏ thép chở hàng tự hành có tổng dung tích (GT) từ 300 trở lên (sau đây gọi là tàu biển) hoạt động trong Vịnh Bắc Bộ thuộc vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến tàu biển quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Vịnh Bắc Bộ* là vịnh nửa kín được bao bọc ở phía Bắc bởi bờ biển lãnh thổ đất liền của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, phía Đông bởi bờ biển bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam của Trung Quốc, phía Tây bởi bờ biển đất liền Việt Nam và giới hạn phía Nam bởi đoạn thẳng nối liền từ điểm nhô ra nhất của mép ngoài cùng của mũi Oanh Ca - đảo Hải Nam của Trung Quốc có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 18°31'19" Bắc, kinh tuyến 108°41'17" Đông, qua đảo Cồn Cỏ của Việt Nam đến một điểm trên bờ biển của Việt Nam có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 16°57'40" Bắc và kinh tuyến 107°08'42" Đông.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xử lý kịp thời. / *mq*

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, V.tài(5).



Đinh La Thăng

Số: *15* /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ

ÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: *S*
Ngày: *01/4*

**Hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC CHI CỤC TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Điều 1. Nhiệm vụ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, phân bón hữu cơ và phân bón khác, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, quản lý thuốc bảo vệ thực vật ở địa phương.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật đã được phê duyệt. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

3. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các văn bản cá biệt thuộc chuyên ngành, lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

4. Về sản xuất trồng trọt:

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng vụ, hàng năm và từng giai đoạn của địa phương; chủ trì thực hiện và tổng kết, đánh giá kế hoạch sản xuất;

b) Tổ chức thực hiện quy hoạch các vùng sản xuất trồng trọt tập trung sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các quy trình sản xuất an toàn, công nhận, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và thực hiện sản xuất trồng trọt theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trên địa bàn;

d) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sản xuất, sơ chế rau, quả, chè an toàn: tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ cho người sản xuất; thẩm định, trình Giám đốc Sở cấp giấy chứng nhận và công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống theo mùa vụ, thời vụ sản xuất trên địa bàn;

e) Thực hiện các biện pháp khắc phục thiên tai trong sản xuất trồng trọt.

5. Về quản lý giống cây trồng:

a) Hướng dẫn cơ cấu giống, sử dụng giống cây trồng; quản lý, khai thác cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn;

b) Theo dõi, giám sát việc khảo nghiệm, sản xuất thử, đề xuất công nhận và đề xuất công nhận đặc cách giống mới;

c) Đề xuất công nhận cấp, cấp lại, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng trên địa bàn; báo cáo và công bố công khai theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra cấp mã số cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp; quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất giống nông hộ trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về giống cây trồng.

6. Về quản lý phân bón:

a) Dự báo nhu cầu, xây dựng kế hoạch sử dụng phân bón hàng vụ, hàng năm của địa phương;

b) Theo dõi, giám sát, nhận xét, đánh giá kết quả khảo nghiệm phân bón mới tại địa phương; tiếp nhận công bố hợp quy phân bón hữu cơ và phân bón khác của các tổ chức, cá nhân theo quy định;

c) Hướng dẫn sử dụng các loại phân bón đúng kỹ thuật, đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và hạn chế gây ô nhiễm môi trường.